

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu:

1. Mô tả về gói thầu

Tên gói thầu: Gói thầu số 3: Tư vấn thực hiện Kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Cao Bằng, giai đoạn đến năm 2025

Tên dự án/dự toán mua sắm: Kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Cao Bằng, giai đoạn đến năm 2025

Địa điểm thực hiện: Tỉnh Cao Bằng

Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng, một giai đoạn hai túi hồ sơ.

Thời gian thực hiện gói thầu: 09 tháng.

2. Mục tiêu:

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tổng hợp được các chỉ tiêu kiểm kê tài nguyên nước mặt nội tỉnh (lần đầu) trên cơ sở thông tin, số liệu kiểm kê được thực hiện chính xác, đồng bộ, đúng thời gian.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Hoàn thành được các chỉ tiêu kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Cao Bằng lần đầu, gồm:

- Số lượng nguồn nước mặt: số lượng sông, suối, kênh, rạch, hồ, đầm, phá;
- Lượng nước mặt: tổng lượng dòng chảy; lượng nước mặt chảy vào, ra (trung bình nhiều năm, mùa, tháng); tổng lượng nước chuyển giữa các lưu vực sông và tổng dung tích các hồ chứa trên phạm vi các lưu vực sông nội tỉnh độc lập trên địa bàn tỉnh.
- Chất lượng nước mặt: theo chỉ số chất lượng nước tổng hợp WQI;
- Khai thác, sử dụng nước mặt: danh mục công trình khai thác, sử dụng; mục đích khai thác; lượng nước khai thác, sử dụng;
- Xả nước thải vào nguồn nước: danh mục công trình xả nước thải; lưu lượng xả vào nguồn nước; loại hình nước thải.

II. Phạm vi công việc:

II.1. Yêu cầu chung về nội dung chủ yếu của dự án:

a. Thu thập, kế thừa các thông tin, số liệu liên quan đến các chỉ tiêu kiểm kê, điều tra cơ bản từ các giai đoạn trước và trong kỳ kiểm kê.

b. Tổ chức triển khai thực hiện công tác kiểm kê các chỉ tiêu tại thực địa về số lượng, chất lượng các nguồn nước mặt nội tỉnh, hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt và hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

c. Tổng hợp, xử lý, phân loại thông tin, số liệu kết quả thu thập, điều tra thực địa và cập nhật số liệu vào phần mềm theo các nội dung thực hiện.

d. Tính toán các chỉ tiêu kiểm kê tài nguyên nước gồm: lượng nước mặt, chất lượng nước mặt nội tỉnh Cao Bằng.

e. Xây dựng, hoàn thiện hồ sơ sản phẩm kết quả kiểm kê tài nguyên nước mặt nội tỉnh Cao Bằng giai đoạn đến năm 2025

II.2. Phạm vi thực hiện

a. Phạm vi thực hiện Nhiệm vụ:

Kiểm kê tài nguyên nước (nguồn nước mặt nội tỉnh) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, giai đoạn đến năm 2025.

b. Đối tượng thực hiện:

+) Nguồn nước mặt (gồm: các sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập dâng) theo danh mục lưu vực sông nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

+) Công trình khai thác, sử dụng nước mặt và xả nước thải vào nguồn nước đối với các nguồn nước mặt nội tỉnh

II.3. Các nhiệm vụ cụ thể

Nhà thầu phải xây dựng giải pháp, kế hoạch và thực hiện các khối lượng công việc của gói thầu đáp ứng các yêu cầu sau đây:

1. Thu thập, kế thừa các thông tin, số liệu liên quan đến chỉ tiêu kiểm kê từ giai đoạn trước và trong kỳ kiểm kê

a) Nội dung, khối lượng thực hiện

Thu thập, kế thừa các thông tin, số liệu liên quan đến chỉ tiêu kiểm kê từ giai đoạn trước và trong kỳ kiểm kê đảm bảo đầy đủ, chi tiết theo các đối tượng phục vụ kiểm kê nguồn nước nội tỉnh. Khối lượng công tác Thu thập, kế thừa các thông tin, số liệu liên quan đến chỉ tiêu kiểm kê từ giai đoạn trước và trong kỳ kiểm kê được thực hiện trên phạm vi diện tích 1.342 km² của tỉnh Cao Bằng.

b) Sản phẩm

- Danh mục các thông tin, số liệu, tài liệu và dữ liệu kết quả thu thập được tổng hợp theo các nội dung, đối tượng kiểm kê;

- Báo cáo kết quả điều tra, thu thập, kế thừa các thông tin, số liệu liên quan đến chỉ tiêu kiểm kê từ giai đoạn trước và trong kỳ kiểm kê.

2. Kiểm kê các chỉ tiêu tài nguyên nước mặt ngoài thực địa

2.1 Kiểm kê số lượng nguồn nước mặt

a) Nội dung, khối lượng thực hiện

Điều tra, xác định số lượng nguồn nước nội tỉnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và kiểm kê các chỉ tiêu số lượng nguồn nước mặt ngoài thực địa. Quy trình thực hiện công tác điều tra phải đảm bảo tuân thủ chặt chẽ theo các quy định hiện hành. Khối lượng công tác điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt được xác định trong phạm vi diện tích 653 km² của tỉnh Cao Bằng.

b) Sản phẩm

- Báo cáo kết quả điều tra thực địa;

- Sơ đồ tài liệu thực tế;
- Phiếu điều tra, nhật ký điều tra và các tài liệu điều tra thực địa khác;

2.2. Kiểm kê hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt

a) Nội dung, khối lượng thực hiện

Điều tra, lập được danh mục hiện trạng các công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt với các thông tin số liệu kèm theo cho phiếu kiểm kê về hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt trên các nguồn nước nội tỉnh. Nội dung, quy trình thực hiện công tác điều tra trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt phải đảm bảo tuân thủ chặt chẽ theo các quy định hiện hành và các hướng dẫn kỹ thuật đã được ban hành. Khối lượng công tác điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt được thực hiện trong phạm vi diện tích là 671 km² của tỉnh Cao Bằng.

b) Sản phẩm

- Báo cáo kết quả điều tra thực địa;
- Sơ đồ tài liệu thực tế;
- Phiếu điều tra, nhật ký điều tra và các tài liệu điều tra thực địa khác;
- Bảng thống kê danh mục các công trình khai thác, sử dụng nước mặt theo đối tượng và quy mô thực hiện.

2.3. Kiểm kê hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước

a) Nội dung, khối lượng thực hiện

Điều tra, lập được danh mục hiện trạng các công trình xả nước thải vào nguồn nước với các thông tin số liệu kèm theo cho phiếu kiểm kê về hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước mặt nội tỉnh Cao Bằng. Nội dung, quy trình thực hiện công tác điều tra trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt phải đảm bảo tuân thủ chặt chẽ theo các quy định hiện hành và các hướng dẫn kỹ thuật đã được ban hành. Khối lượng công tác điều tra, đánh giá hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước được thực hiện với diện tích 671 km² của tỉnh Cao Bằng.

b) Sản phẩm

- Báo cáo kết quả điều tra thực địa;
- Sơ đồ tài liệu thực tế;
- Phiếu điều tra, nhật ký điều tra và các tài liệu điều tra thực địa khác;
- Bảng thống kê danh mục nguồn xả nước thải theo đối tượng và quy mô thực hiện.;

3. Tổng hợp, xử lý, phân loại thông tin, số liệu kết quả thu thập, điều tra thực địa và cập nhật số liệu vào phần mềm theo các nội dung thực hiện

a) Nội dung, khối lượng thực hiện

Tổng hợp số liệu kiểm kê, thu thập và điều tra thực địa bổ sung, phân loại số liệu chỉ tiêu số lượng nguồn nước, lượng nước mặt, chất lượng nước mặt; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước phục vụ công tác nhập số liệu vào phần mềm nhằm tổng hợp, truy xuất số liệu kiểm kê và phục vụ tính toán các chỉ tiêu kiểm

kê. Thông tin đầy đủ theo các trường thông tin của phần mềm kiểm kê, số liệu thống nhất, phù hợp với thực tế và đảm bảo tính xác thực. Công tác Tổng hợp, xử lý, phân loại thông tin, số liệu kết quả thu thập, điều tra thực địa và cập nhật số liệu vào phần mềm đối với số lượng nguồn nước mặt, lượng nước mặt và chất lượng nguồn nước mặt được thực hiện trên diện tích 671 km² của tỉnh Cao Bằng.

b) Sản phẩm

- Tổng hợp, xử lý, phân loại thông tin, số liệu kết quả thu thập, điều tra thực địa và cập nhật số liệu vào phần mềm theo các nội dung thực hiện;

- Danh mục thông tin, số liệu đã được tổng hợp, chỉnh lý số liệu về số lượng nguồn nước mặt;

- Danh mục thông tin, số liệu đã được tổng hợp, chỉnh lý số liệu về lượng nước mặt;

- Danh mục thông tin, số liệu đã được tổng hợp, chỉnh lý về số liệu chất lượng nước mặt;

- Danh mục thông tin, số liệu đã được tổng hợp, chỉnh lý về số liệu khai thác, sử dụng nước mặt;

- Danh mục thông tin, số liệu đã được tổng hợp, chỉnh lý về số liệu xả nước thải vào nguồn nước.

4. Tính toán, dự báo tài nguyên nước bằng mô hình dòng chảy

a) Nội dung, khối lượng thực hiện

Sử dụng mô hình toán tính toán xác định tiềm năng, đặc trưng các nguồn nước và tại các vị trí quan trọng có ý nghĩa trong khai thác sử dụng nước và đánh giá diễn biến số lượng các nguồn nước nội tỉnh. Nội dung và trình tự thực hiện đảm bảo theo các quy định, hướng dẫn kỹ thuật hiện hành. Phạm vi áp dụng mô hình được thực hiện với 5/6 bước trên toàn bộ diện tích vùng thực hiện nhiệm vụ, tổng diện tích lập mô hình là 671 km².

b) Sản phẩm

- Bộ mô hình dòng chảy dự báo tài nguyên nước mặt;

- Báo cáo kết quả dự báo tài nguyên nước mặt bằng mô hình dòng chảy.

5. Tính toán các chỉ tiêu kiểm kê tài nguyên nước mặt

a) Nội dung, khối lượng

Xác định được các chỉ tiêu kiểm kê trên cơ sở các thông tin, số liệu thu thập, điều tra và khảo sát ngoài thực địa. Các chỉ tiêu kiểm kê bao gồm số lượng và chất lượng nguồn nước, số liệu về khai thác sử dụng tài nguyên nước mặt và hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước theo quy định và hướng dẫn hiện hành. Tính toán các chỉ tiêu kiểm kê tài nguyên nước mặt được thực hiện trên diện tích 671 km² của tỉnh Cao Bằng. Công tác Tính toán các chỉ tiêu kiểm kê tài nguyên nước mặt được thực hiện trên diện tích 671 km² của tỉnh Cao Bằng.

b) Sản phẩm

Đối với chỉ tiêu kiểm kê số lượng nguồn nước mặt, lượng nước mặt:

- Báo cáo phân tích, tính toán và đánh giá lượng nước mặt;

- Danh mục bộ chỉ tiêu kiểm kê lượng nước mặt;
- Bộ dữ liệu kết quả tính toán được nhập vào phần mềm kiểm kê.

Đối với chỉ tiêu chất lượng nước mặt:

- Báo cáo kết quả tổng hợp, xử lý, phân tích, tính toán và biên tập thông tin chỉ tiêu kiểm kê chất lượng nước mặt theo quy định;
- Bộ chỉ tiêu kết quả kiểm kê chất lượng nước mặt theo quy định;
- Bộ dữ liệu số được nhập vào phần mềm kiểm kê.

6. Xây dựng, hoàn thiện hồ sơ sản phẩm, kết quả kiểm kê tài nguyên nước, cập nhật dữ liệu kiểm kê vào phần mềm kiểm kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

a) Nội dung, khối lượng thực hiện

Tổng hợp kết quả của từng công việc đã thực hiện, tổng hợp tài liệu, số liệu theo yêu cầu phục vụ trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Cao Bằng. Công tác Tổng hợp, xây dựng và hoàn thiện hồ sơ sản phẩm, kết quả tổng kiểm kê tài nguyên nước được thực hiện trên diện tích 671 km² của tỉnh Cao Bằng.

b) Sản phẩm

- Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt Kết quả kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Cao Bằng, đến năm 2025

- Nhóm các báo cáo chuyên đề thuyết minh nội dung, phương pháp, kết quả xác định các chỉ tiêu kiểm kê tài nguyên nước mặt nội tỉnh: số lượng nguồn nước, lượng nước mặt, chất lượng nước mặt, khai thác sử dụng tài nguyên nước mặt, hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước.

- Tổng hợp các mẫu biểu theo yêu cầu chung của Tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia đối với cấp địa phương;

- Tổng hợp thông tin, dữ liệu xây dựng nhóm bản đồ theo chỉ tiêu kiểm kê

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Nhiệm vụ Kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Cao Bằng giai đoạn đến năm 2025 được thực hiện từ năm 2025 đến năm 2026:

- Thời gian thực hiện: 09 tháng.

- Nhà thầu thực hiện chế độ báo cáo bằng văn bản cho chủ đầu tư về công tác Tư vấn theo định kỳ: tháng, giai đoạn, hạng mục, hoàn thành và không định kỳ khi có sự cố bất thường hoặc đột xuất theo yêu cầu của chủ đầu tư.

- Kế hoạch công việc của nhà thầu phải thể hiện rõ các nội dung và thời gian thực hiện công việc từ khâu chuẩn bị thực hiện cho đến khi hoàn thành công việc.

IV. Sản phẩm giao nộp

Các báo cáo phải nộp

- Báo cáo tổng hợp “Kiểm kê tài nguyên nước mặt nội tỉnh Cao Bằng, giai đoạn đến năm 2025”;

- Báo cáo tóm tắt “Kiểm kê tài nguyên nước mặt nội tỉnh Cao Bằng, giai đoạn đến năm 2025”;

- Các báo cáo chuyên đề, gồm:

+ Báo cáo kết quả kiểm kê chỉ tiêu tài nguyên nước mặt tỉnh Cao Bằng (số lượng nguồn nước mặt, lượng nước mặt, chất lượng nước mặt);

+ Báo cáo kết quả kiểm kê chỉ tiêu khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt tỉnh Cao Bằng;

+ Báo cáo kết quả kiểm kê chỉ tiêu xả nước thải vào nguồn nước tỉnh Cao Bằng;

- Bộ thông tin, số liệu về kiểm kê tài nguyên nước; thông tin, số liệu phục vụ tính toán các chỉ tiêu kiểm kê;

- Các bản đồ

+ Bản đồ hiện trạng các nguồn nước mặt nội tỉnh;

+ Bản đồ hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt;

+ Bản đồ hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước.

- Các phụ lục kèm theo

+ Danh mục các công trình khai thác, sử dụng nước mặt;

+ Danh mục các công trình xả nước thải vào nguồn nước.

+ Các sản phẩm khác quy định tại các thông tư, định mức KTKT được áp dụng trong Nhiệm vụ.

- Bộ dữ liệu CD.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

- Đối với Kinh nghiệm của Nhà thầu yêu cầu Nhà thầu đáp ứng các yêu cầu nêu tại tiểu mục 1, Kinh nghiệm và năng lực của Nhà thầu tại Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT, chương III, E-HSMT.

- Đối với nội dung về nhân sự, để thực hiện gói thầu đảm bảo chất lượng, tiến độ, Nhà thầu phải đáp ứng các yêu cầu nêu tại các tiểu mục III. Nhân sự, tại Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT, chương III, E-HSMT. Nhân sự Nhà thầu bố trí thực hiện gói thầu yêu cầu đảm bảo phù hợp với từng nội dung công việc và đảm bảo các nội dung sau:

+ Đối với nhân sự chủ chốt thuộc quản lý của Nhà thầu: Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh thuộc quyền quản lý của Nhà thầu, trường hợp cần làm rõ thêm thông tin, Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu cung cấp tài liệu để chứng minh;

+ Đối với các nhân sự không thuộc quản lý của Nhà thầu do Nhà thầu huy động thực hiện gói thầu phải kèm hợp đồng nguyên tắc thuê chuyên gia hoặc các tài liệu chứng minh khả năng huy động khác.

- Đối với kinh nghiệm và nhân sự của Nhà thầu liên danh phải đảm bảo nhân sự được bố trí phù hợp với kinh nghiệm, nhân sự của từng thành viên trong liên danh tham dự thầu.

- Nhà thầu bố trí nhân sự thực hiện gói thầu phải đảm bảo mức yêu cầu tối thiểu theo Mục 2 - Chương III.

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Cung cấp các tài liệu, hồ sơ, văn bản cần thiết theo đề nghị của Nhà thầu thực hiện gói thầu;
- Tổ chức nghiệm thu sản phẩm của Nhà thầu sau khi hoàn thiện sản phẩm;
- Thanh toán các công việc do nhà thầu tư vấn thực hiện theo nội dung nêu trong hợp đồng và kế hoạch vốn được cấp;
- Bố trí cán bộ chuyên môn phù hợp để phối hợp cùng Nhà thầu giải quyết các vướng mắc phát sinh về kỹ thuật trong quá trình thực hiện.
- Chủ đầu tư sẽ cùng hợp tác với Nhà thầu để thực hiện các nội dung công việc của gói thầu đảm bảo tiến độ và chất lượng theo quy định.